

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 25 tháng 5 năm 2018.

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Duy Khánh.*

** Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Thạch Hương**.

2/. Bà **Dư Thị Út**.

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: không tham gia.*

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị **Trịnh Kim N** – sinh năm 1991.*

Trú tại: ấp H, xã V, huyện H, tỉnh B. (vắng mặt)

** Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc T** – sinh năm 1982.*

Trú tại: số 04, đường N, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2018 và bản tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 10/5/2018 của chị Trịnh Kim N, là nguyên đơn trình bày: Chị N và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đám cưới vợ chồng về chung sống với cha mẹ ruột của anh T. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cách nay 01 năm chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nay xét thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn để chung sống tiếp, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin được ly hôn với anh T. Về con chung, tài chung và nợ

chung quá trình chung sống không có nên chị N không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng đề ngày 10/5/2018, anh Nguyễn Quốc T, là bị đơn trình bày: Năm 2009, anh T và chị N có tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị N có yêu cầu xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về mặt thủ tục tố tụng: chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình chuẩn bị xét xử chị N và anh T đều có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, là nguyên đơn và anh T, là bị đơn là phù hợp.

* Về mặt nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, anh chị đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị N xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc không đăng ký kết hôn giữa chị N và anh T là không tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này...*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng.

- Về con chung: chị N và anh T thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: chị N và anh T thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: chị N và anh T thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trịnh Kim N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Không công nhận chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng.
- 2/. Về con chung: chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 3/. Về tài sản chung: chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 4/. Về nợ chung: chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 5/. Về án phí: chị Trịnh Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008177 ngày 10/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, chị Trịnh Kim N và anh Nguyễn Quốc T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- THA TP.Bạc Liêu;
- Các đường sự;
- Lưu hồ sơ;

Trần Duy Khánh